

Số: **2635**QĐ-UBND

Yên Bái, ngày **08** tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn ngân sách địa phương**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 20/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 - Nguồn vốn ngân sách địa phương; Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 - Nguồn vốn ngân sách địa phương; Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 - Nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Quyết định số 2073/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn ngân sách nhà nước; Quyết định số 1200/QĐ-UBND ngày 10/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn ngân sách địa phương; Quyết định số 1815/QĐ-UBND ngày 09/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn ngân sách địa phương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 145/TTr-SKHĐT ngày 08/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn ngân sách địa phương với nội dung như sau:

1. Tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn ngân sách địa phương đã giao tại 1200/QĐ-UBND ngày 10/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh là 12.635.800 triệu đồng.

2. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn ngân sách địa phương giao bổ sung là 4.110.540 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 3.159.840 triệu đồng.
- Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 52.000 triệu đồng.
- Vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương: 292.700 triệu đồng.
- Vốn đầu tư công khác của ngân sách địa phương (từ nguồn thu tiền thuê đất trả tiền một lần, tăng thu, kết dư, tiết kiệm chi, dự phòng...): 606.000 triệu đồng.

3. Tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn ngân sách địa phương sau khi điều chỉnh, bổ sung là 16.746.340 triệu đồng.

Điều 2. Điều chỉnh, bổ sung chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn ngân sách địa phương như sau:

1. Bổ sung kế hoạch vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất cấp huyện: 2.160.820 triệu đồng (chi đầu tư phát triển quỹ đất).

2. Bổ sung chi đầu tư phát triển quỹ đất cấp tỉnh: 999.020 triệu đồng.

3. Bố trí bổ sung từ nguồn bội chi ngân sách địa phương cho các dự án vay lại (ODA): 292.700 triệu đồng.

4. Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quy định: 60.000 triệu đồng.

5. Bổ sung cho các nhiệm vụ, dự án: 598.000 triệu đồng, trong đó:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của 06 dự án: 151.940 triệu đồng.

- Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho các dự án, nhiệm vụ 749.940 triệu đồng, trong đó tăng dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 80.060 triệu đồng; số dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi giao bổ sung là 239.706 triệu đồng.

(Nội dung chi tiết theo như Phụ lục gửi kèm)

Điều 3. Giao Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị chủ đầu tư tổ chức triển khai thực hiện quản lý, sử dụng nguồn vốn đúng mục đích, hiệu quả và theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các đơn vị chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó CT. UBND tỉnh;
- Phó CVP. UBND tỉnh (KT);
- Trung tâm điều hành thông minh;
- Lưu: VT, TKTH, XD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



(Handwritten signature in blue ink)

Trần Huy Tuấn

Phụ lục I


**TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**



(Kèm theo Quyết định số **2335** /QĐ-UBND ngày **08** tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh, bổ sung			Tăng (+), giảm (-) so với kế hoạch vốn đã giao	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
			Tỉnh	Huyện		Tỉnh	Huyện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	TỔNG VỐN	12.635.800	8.572.280	4.063.520	16.746.340	10.522.000	6.224.340	4.110.540	
1	Vốn xây dựng cơ bản tập trung trong nước	2.985.000	2.517.460	467.540	2.985.000	2.517.460	467.540		
2	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất	7.396.000	3.800.020	3.595.980	10.555.840	4.799.040	5.756.800	3.159.840	
2.1	<i>Chi đầu tư phát triển quỹ đất</i>				3.159.840	999.020	2.160.820		
2.2	<i>Chi xây dựng cơ bản</i>	7.396.000	3.800.020	3.595.980	7.396.000	3.800.020	3.595.980		
3	Vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết	155.000	155.000		207.000	207.000		52.000	
4	Vốn từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	99.800	99.800		392.500	392.500		292.700	
5	Các vốn đầu tư công khác của ngân sách địa phương (tiền thuê đất trả tiền một lần, tăng thu, kết dư, tiết kiệm chi, dự phòng...)	2.000.000	2.000.000		2.606.000	2.606.000		606.000	

Stt	 Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh, bổ sung			Tăng (+), giảm (-) so với kế hoạch vốn đã giao	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
			Tỉnh	Huyện		Tỉnh	Huyện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
II	NỘI DUNG PHÂN BỐ	12.635.800	8.572.280	4.063.520	16.746.340	10.522.000	6.224.340	4.110.540	
1	Huyện phân bổ	4.063.520		4.063.520	6.224.340		6.224.340	2.160.820	
2	Tỉnh phân bổ	8.572.280	8.572.280		10.522.000	10.522.000		1.949.720	
2.1	Trả nợ các khoản vay của ngân sách địa phương	84.959	84.959		84.959	84.959			
2.2	Chi đầu tư phát triển quỹ đất				999.020	999.020		999.020	
2.3	Bố trí 10% tiền sử dụng đất trích, đo đạc, lập bản đồ địa chính thu hồi đất	380.000	380.000		380.000	380.000			
2.4	Bố trí từ nguồn bội chi ngân sách địa phương cho các dự án vay lại (ODA)	99.800	99.800		392.500	392.500		292.700	
2.5	Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quy định				60.000	60.000		60.000	
2.6	Chi xây dựng cơ bản	8.007.521	8.007.521		8.605.521	8.605.521		598.000	Trong đó: Dự phòng chung là 239.706 triệu đồng



Phụ lục II

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

(Kèm theo Quyết định số **2335** /QĐ-UBND ngày **08** tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Stt	Địa phương	Kế hoạch đầu tư công trung hạn đã giao			Kế hoạch đầu tư công trung hạn sau khi điều chỉnh, bổ sung			Tăng (+), giảm (-) so với kế hoạch vốn đã giao	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
			Vốn xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Vốn từ nguồn thu sử dụng đất (không bao gồm chi đầu tư phát triển quỹ đất)		Vốn xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Vốn từ nguồn thu sử dụng đất (bao gồm chi đầu tư phát triển quỹ đất)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Tổng cộng	4.063.520	467.540	3.595.980	6.224.340	467.540	5.756.800	2.160.820	
1	Thành phố Yên Bái	1.053.335	47.245	1.006.090	1.937.175	47.245	1.889.930	883.840	
2	Thị xã Nghĩa Lộ	393.250	44.770	348.480	571.870	44.770	527.100	178.620	
3	Huyện Trấn Yên	465.848	41.548	424.300	620.348	41.548	578.800	154.500	
4	Huyện Yên Bình	282.069	52.069	230.000	552.069	52.069	500.000	270.000	
5	Huyện Văn Yên	741.142	55.842	685.300	995.142	55.842	939.300	254.000	
6	Huyện Lục Yên	555.245	58.635	496.610	723.245	58.635	664.610	168.000	
7	Huyện Văn Chấn	301.212	62.092	239.120	456.592	62.092	394.500	155.380	
8	Huyện Trạm Tấu	99.911	46.561	53.350	117.951	46.561	71.390	18.040	
9	Huyện Mù Cang Chải	171.508	58.778	112.730	249.948	58.778	191.170	78.440	

* Ghi chú:

- Vốn xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước (vốn trong cân đối không bao gồm thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết và bội chi ngân sách địa phương) được xác định bằng kế hoạch vốn năm 2021 đã giao và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2022-2025 trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 17/7/2021.

- Bố trí bảo đảm khoảng 30% từ nguồn thu tiền sử dụng đất (sau khi trừ chi phí đầu tư phát triển quỹ đất) để ưu tiên thực hiện các công trình, dự án xây dựng nông thôn mới; thực hiện Đề án Phát triển giao thông nông thôn giai đoạn 2021-2025; bố trí đối ứng cho các dự án trọng điểm của huyện và các dự án thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo được tỉnh hỗ trợ vốn đầu tư; số vốn còn lại (nếu có) bố trí cho các nhu cầu khác của địa phương theo quy định.



Phụ lục III

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 - VỐN NGÂN SÁCH TỈNH

(Kèm theo Quyết định số **2335** /QĐ-UBND ngày **08** tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

Đơn vị tính: Triệu đồng.


Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định đầu tư, Quyết định đầu tư điều chỉnh, bổ sung						Lũy kế vốn đến hết năm 2020			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn ngân sách tỉnh đã giao	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn ngân sách tỉnh sau khi điều chỉnh, bổ sung	Tăng (+), giảm (-) so với kế hoạch vốn đã giao	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó:							
				Tổng số	Trong đó:				Vốn nước ngoài	Ngân sách tỉnh						
					Vốn nước ngoài	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh				Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15 = 14-13	16	17
	Tổng cộng			5.865.608	1.621.601	1.263.500	2.777.407	203.100	366.216	293.606	72.610	1.560.551	2.158.551	598.000		
I	Các dự án điều chỉnh giảm			1.303.940	0	830.000	370.940	103.000	13.122		13.122	310.818	158.878	-151.940		
a	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024, hết nhiệm vụ chi			1.062.000	0	830.000	232.000		13.122		13.122	218.878	158.878	-60.000		
1	Đường nối Quốc lộ 37, Quốc lộ 32C với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, tỉnh Yên Bái	TP. Yên Bái	1520/QĐ-UBND ngày 17/7/2020; 3086/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	412.000		280.000	132.000		13.122		13.122	118.878	78.878	-40.000	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Yên Bái	
2	Cầu Giớی Phiến, thành phố Yên Bái	TP. Yên Bái	257/QĐ-UBND ngày 08/02/2021; 3086/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	650.000		550.000	100.000					100.000	80.000	-20.000	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Yên Bái	
b	Dự án giãn tiến độ sang giai đoạn 2026-2030			241.940			138.940	103.000				91.940	0	-91.940		
1	Đường nối 02 nhà máy xi măng (Giai đoạn 2), huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	H. Yên Bình	12/NQ-HĐND ngày 22/6/2022	120.000			72.000	48.000				40.000	0	-40.000	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	
2	Cải tạo, nâng cấp đường Văn Yên (Yên Bái) - Văn Bàn (Lào Cai)	H. Văn Yên	3125/QĐ-UBND ngày 11/12/2020; 256/QĐ-UBND ngày 08/02/2021	70.000			35.000	35.000				35.000	0	-35.000	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Yên	



Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định đầu tư, Quyết định đầu tư điều chỉnh, bổ sung						Lũy kế vốn đến hết năm 2020			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn ngân sách tỉnh đã giao	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn ngân sách tỉnh sau khi điều chỉnh, bổ sung	Tăng (+), giảm (-) so với kế hoạch vốn đã giao	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó:							
				Tổng số	Vốn nước ngoài	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	Vốn nước ngoài	Ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15 = 14-13	16	17
3	Xây dựng khu hành chính huyện Trấn Yên	H. Trấn Yên	2490/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 (CTĐT)	40.000			20.000	20.000				5.000	0	-5.000	Ban QLDA ĐTXD huyện Trấn Yên	
4	Xây dựng kè chống sạt lở Trung đội thông tin 18	TP. Yên Bái	3189/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 (CTĐT)	11.940			11.940					11.940	0	-11.940	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	
II	Các dự án điều chỉnh tăng			4.561.668	1.621.601	433.500	2.406.467	100.100	353.094	293.606	59.488	1.249.733	1.999.673	749.940		
a	Các dự án đã giao kế hoạch đầu tư công trung hạn cân bổ sung			3.037.010	1.621.601	100.000	1.285.909	29.500	353.094	293.606	59.488	560.337	792.366	232.029		
1	Đường nối Quốc lộ 70, Quốc lộ 32C, Quốc lộ 37 với cao tốc Nội Bài - Lào Cai	TP. Yên Bái	54/NQ-HĐND ngày 10/11/2020; 02/NQ-HĐND ngày 19/4/2021; 1964/QĐ-UBND ngày 13/9/2021	180.000		100.000	80.000						62.000	62.000	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Yên Bái	
2	Dự án "Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án thành phố Yên Bái"	TP. Yên Bái	289/QĐ-TTg ngày 18/3/2019; 466/QĐ-UBND ngày 21/3/2019; QĐ 26/QĐ-TTG ngày 06/01/2020; QĐ 400/QĐ-UBND ngày 3/3/2020	1.423.646	887.947		535.699		28.018	12.574	15.444	400.000	510.000	110.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	
3	Xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông liên vùng hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội các huyện nghèo tỉnh Yên Bái	H. Lục Yên, H. Văn Yên	724/QĐ-TTg 28/4/2016; QĐ 3154/QĐ-UBND 05/12/2017	913.901	452.622		461.279		7.331		7.331	90.000	120.000	30.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	

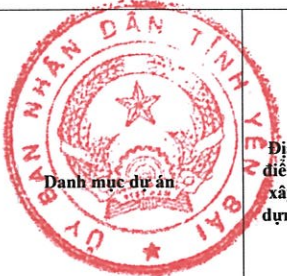


Stt		Địa điểm xây dựng	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định đầu tư, Quyết định đầu tư điều chỉnh, bổ sung						Lũy kế vốn đến hết năm 2020			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn ngân sách tỉnh đã giao	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn ngân sách tỉnh sau khi điều chỉnh, bổ sung	Tăng (+), giảm (-) so với kế hoạch vốn đã giao	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó:							
				Tổng số	Vốn nước ngoài	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	Vốn nước ngoài	Ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15 = 14-13	16	17
4	Đê chống ngập sông Hồng khu vực xã Giới Phiên, thành phố Yên Bái	TP. Yên Bái	48/TT.HĐND ngày 30/3/2018; 2254/QĐ-UBND 29/10/2018; 18/NQ-HĐND ngày 08/7/2023	472.000	281.032		190.968		317.745	281.032	36.713	62.500	82.500	20.000	Sở Tài nguyên và Môi trường	
5	Hội trường trung tâm huyện Trấn Yên	H. Trấn Yên	2490/QĐ-UBND ngày 15/10/2020; 2041/QĐ-UBND ngày 07/11/2023	44.500			15.000	29.500				5.000	15.000	10.000	Ban QLDA ĐTXD huyện Trấn Yên	
6	Cắm mốc giới ngoài thực địa Quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghiệp phía Nam (khu A) tỉnh Yên Bái	TP. Yên Bái	204/QĐ-UBND ngày 04/02/2021	277			277					214	235	21	Tòa án nhân dân tỉnh	
7	Lắp đặt hệ thống truyền hình trực tuyến tại Tòa án nhân dân cấp huyện với tòa án nhân dân cấp tỉnh Yên Bái	TP. Yên Bái	2807/QĐ-UBND ngày 10/11/2020	2.686			2.686					2.623	2.631	8	Ban Quản lý các khu công nghiệp	
b	Các dự án đã có Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư nhưng chưa được giao kế hoạch đầu tư công trung hạn			281.000		83.500	176.900	20.600					165.400	165.400		
1	Lò đốt CTRSH liên huyện Trấn Yên - Văn Yên	H. Trấn Yên, H. Văn Yên	1799/QĐ-UBND ngày 06/10/2023 (CTĐT)	51.500			45.900	5.600					45.900	45.900	Ban QLDA ĐTXD huyện Trấn Yên	
2	Lò đốt CTRSH cụm xã Lương Thịnh, Hưng Khánh, Hưng Thịnh, Hồng Ca, Việt Hồng, huyện Trấn Yên	H. Trấn Yên, H. Văn Yên	1799/QĐ-UBND ngày 06/10/2023 (CTĐT)	13.000			13.000						13.000	13.000	Ban QLDA ĐTXD huyện Trấn Yên	
3	Cầu qua suối Nậm Kim nối Quốc lộ 32 đi bản Đê Sủa, xã Lao Chải, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái	H. Mù Cang Chải	2032/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 (CTĐT)	14.000			14.000						14.000	14.000	Ban QLDA ĐTXD huyện Mù Cang Chải	

Stt	 Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định đầu tư, Quyết định đầu tư điều chỉnh, bổ sung						Lũy kế vốn đến hết năm 2020			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn ngân sách tỉnh đã giao	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn ngân sách tỉnh sau khi điều chỉnh, bổ sung	Tăng (+), giảm (-) so với kế hoạch vốn đã giao	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó:							
				Tổng số	Trong đó:				Vốn nước ngoài	Ngân sách tỉnh						
					Vốn nước ngoài	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh				Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15 = 14-13	16	17
4	Cải tạo hang Thẩm Công xây dựng Sở Chỉ huy trong căn cứ chiến đấu huyện Văn Chấn (Mật danh AVC-01)	H. Văn Chấn	193/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 (CTĐT)	35.000			35.000						35.000	35.000	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	
5	Mở rộng cơ sở làm việc Công an huyện Văn Chấn	H. Văn Chấn	6401/QĐ-BCA-H02 ngày 19/9/2023	110.000		83.500	26.500						15.000	15.000	Công an tỉnh	
6	Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt tại xã Phù Nham, thị xã Nghĩa Lộ	T.x Nghĩa Lộ	2199/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	38.300			33.300	5.000					33.300	33.300	Ban QLDA ĐTXD thị xã Nghĩa Lộ	
7	Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt tại xã Vĩnh Kiên, huyện Yên Bình	H. Yên Bình	735/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 (CTĐT); 1707/QĐ-UBND ngày 29/9/2022	9.600			4.600	5.000					4.600	4.600	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	
8	Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt tại xã Cẩm Nhân, huyện Yên Bình	H. Yên Bình	735/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 (CTĐT); 1813/QĐ-UBND ngày 29/9/2022	9.600			4.600	5.000					4.600	4.600	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	
c	Các dự án điều chỉnh chủ trương đầu tư, tăng tổng mức đầu tư			1.242.340		250.000	942.340	50.000				529.750	801.340	271.590		
1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Chi cục Thủy lợi và Hội Cựu chiến binh tỉnh Yên Bái	TP. Yên Bái	903/QĐ-UBND ngày 02/6/2023; 1970/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 (CTĐT)	7.200			7.200					4.500	7.200	2.700	Chi cục Thủy lợi	
2	Di chuyển, cải tạo sửa chữa một số trụ sở làm việc cơ quan tỉnh Yên Bái (Đợt 5)	T. Yên Bái	526/QĐ-UBND ngày 06/4/2022; 2529/QĐ-UBND ngày 12/12/2022; 37/QĐ-UBND ngày 11/01/2023; 2274/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	11.360			11.360					7.000	11.360	4.360	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	



Stt	Địa điểm xây dựng	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định đầu tư, Quyết định đầu tư điều chỉnh, bổ sung						Lũy kế vốn đến hết năm 2020			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn ngân sách tỉnh đã giao	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn ngân sách tỉnh sau khi điều chỉnh, bổ sung	Tăng (+), giảm (-) so với kế hoạch vốn đã giao	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó:							
				Vốn nước ngoài	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác		Vốn nước ngoài	Ngân sách tỉnh						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15 = 14-13	16	17
3	Nút giao IC13 cao tốc Nội Bài - Lào Cai	H. Trấn Yên	54/NQ-HĐND ngày 10/11/2020; 1779/QĐ-UBND ngày 19/8/2021; 28/NQ-HĐND ngày 31/8/2022; 1767/QĐ-UBND ngày 07/10/2022; 1704/QĐ-UBND ngày 21/9/2023; 72/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	362.800		250.000	112.800					22.800	82.800	60.000	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Yên Bái	
4	Trụ sở Tỉnh ủy và các ban Đảng	TP. Yên Bái	2656/QĐ-UBND ngày 27/12/2022; 75/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	410.000			410.000					250.000	369.000	119.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	
5	Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp phía Nam tỉnh Yên Bái	TP. Yên Bái và H. Yên Bình	887/QĐ-UBND ngày 09/6/2022; 74/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	250.000			250.000					130.000	180.000	50.000	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	
6	Hội trường, nhà làm việc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái	TP. Yên Bái	3134/QĐ-UBND ngày 11/12/2020; 966/QĐ-UBND ngày 22/6/2022; 76/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	49.980			49.980					44.450	49.980	5.530	Văn phòng Đoàn đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	
7	Đường Trung tâm phường Tân An	TX. Nghĩa Lộ	3169/QĐ-UBND ngày 14/12/2020; 2100/QĐ-UBND ngày 27/9/2021; 73/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	114.500			64.500	50.000				50.000	64.500	14.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Nghĩa Lộ	

Stt	 Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định đầu tư, Quyết định đầu tư điều chỉnh, bổ sung						Lũy kế vốn đến hết năm 2020			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn ngân sách tỉnh đã giao	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn ngân sách tỉnh sau khi điều chỉnh, bổ sung	Tăng (+), giảm (-) so với kế hoạch vốn đã giao	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó:							
				Tổng số	Trong đó:				Vốn nước ngoài	Ngân sách tỉnh						
					Vốn nước ngoài	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh				Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15 = 14-13	16	17
8	Tiểu dự án giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Bắc Văn Yên	H. Văn Yên	921/QĐ-UBND ngày 05/6/2023; 2198/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	36.500			36.500					21.000	36.500	15.500	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Yên	Điều chỉnh tên dự án từ "Tiểu dự án giải phóng mặt bằng cụm công nghiệp Bắc Văn Yên" thành "Tiểu dự án giải phóng mặt bằng và Xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Bắc Văn Yên"
d	Nhiệm vụ quy hoạch			1.318			1.318						861	861		
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu liên hợp thể dục thể thao tỉnh Yên Bái	H. Trấn Yên và TP. Yên Bái	626/QĐ-UBND ngày 18/4/2022	1.318			1.318						861	861	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	
đ	Dự phòng chung											159.646	239.706	80.060		Giao kế hoạch vốn chi tiết sau khi đủ điều kiện

Phụ lục IV

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐỂ CẤP BỔ SUNG VỐN ĐIỀU LỆ CHO CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH TỪ NGUỒN TIẾT KIỆM CHI SỐ VỚI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số **2835** /QĐ-UBND ngày **08** tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Stt	Tên quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	Địa điểm	Quyết định thành lập/quyết định điều lệ của Quỹ			Vốn điều lệ đã cấp đến hết ngày 15/11/2023		Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025, nguồn vốn ngân sách tỉnh sau khi bổ sung	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Số vốn điều lệ		Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh		
				Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG SỐ			20.000	20.000	14.000	14.000	60.000	
I	Kế hoạch vốn giao chi tiết để cấp bổ sung vốn điều lệ cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách			37.500	37.500	29.500	29.500	8.000	
1	Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Yên Bái	TP. Yên Bái	80/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; 2334/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	20.000	20.000	14.000	14.000	6.000	
2	Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Yên Bái	TP. Yên Bái	779/QĐ-UBND ngày 03/7/2013	17.500	17.500	15.500	15.500	2.000	
II	Kế hoạch vốn giao chi tiết sau khi đủ điều kiện							52.000	